

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Đàm phán trong kinh doanh (226101) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK3 2021-2022**

Tổ: **001**

Ngày thi: **30/08/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D4-25**

C. Tĩnh

Số SV có mặt: **29**
Số bài thi: **29**
Số tờ giấy thi: **89**

Mã nhận dạng: 000554

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Hoàng</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn Thị Ngọc Lan</i>	G. Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Thị Ngọc Lan</i>	G. Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Thị Ngọc Lan</i>
---	--	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số từ Mã đề	Chữ ký	D. QT 40%	D. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120200295	NGUYỄN VĂN AN	19/05/2001	CCQ20201				-			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2121200048	LƯU GIA BẢO	08/02/2003	CCQ2120B			<i>Bảo</i>	7.0	6	6.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2121200183	NGUYỄN PHƯƠNG DIỄM	04/06/2003	CCQ2120F			<i>Diễm</i>	7.7	7	7.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2121200103	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	27/12/2003	CCQ2120C			<i>Mỹ Duyên</i>	7.0	5	5.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2121200105	HUYỀN BUI TIẾN DUỜNG	23/10/2003	CCQ2120C			<i>Duong</i>	7.4	6	6.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2121200094	LÊ NGUYỄN ANH ĐÀO	23/11/2002	CCQ2120C			<i>Anh Đào</i>	7.1	5	5.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2121200093	LÊ NGUYỄN HỒNG ĐÀO	16/06/2001	CCQ2120C			<i>Hồng Đào</i>	7.4	5.5	6.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2121200055	NGUYỄN CHÍ ĐIỀN	18/05/2003	CCQ2120B				-			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2121200005	PHẠM HOÀNG HUY	15/09/2003	CCQ2120A			<i>Huy</i>	5.0	5	5.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2121200027	VÕ THÀNH HƯNG	20/07/2003	CCQ2120A			<i>Thy</i>	5.7	5	5.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2120240125	NGUYỄN PHÚ KHÁNH	14/03/2002	CCQ2026H			<i>Khánh</i>	8.6	7	7.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2121200077	PHẠM TUẤN KIẾT	08/03/2003	CCQ2120C				-			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2121200045	VƯƠNG TIỂU MÃN	03/10/2003	CCQ2120B			<i>Mãn</i>	7.0	2.5	4.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2121200091	LÊ HỒNG MỘC	21/10/2003	CCQ2120C			<i>Moc</i>	7.3	2	4.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2120200115	HUYỀN THỊ DIỄM MY	25/12/2002	CCQ2020D			<i>My</i>	7.6	4	5.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2121200152	VÕ TRƯỜNG ĐUY NHÀN	05/07/1999	CCQ2120E				5.8			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2121200019	LÊ THỊ ÁI NHI	26/11/2000	CCQ2120C			<i>Ái</i>	8.0	7.5	7.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2121200200	NGUYỄN LÊ Ý NHI	02/10/2003	CCQ2120F			<i>Nhi</i>	7.7	5	6.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2121200135	TRƯỜNG THỊ Ý NHƯ	27/03/2003	CCQ2120D				-			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2121200203	NGUYỄN PHƯƠNG NHUNG	30/01/2003	CCQ2120F			<i>Nhung</i>	7.6	4	5.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P. QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Đàm phán trong Kinh doanh (226101) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK3 2021-2022**

Tổ: **001**

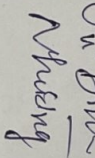
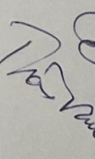
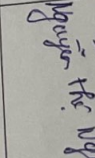
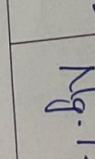
Ngày thi: **30/08/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D4-25**

Số SV có mặt: **29/29**
Số bài thi: **29/29**
Số tờ giấy thi: **29/29**

Mã nhận dạng: 000554

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
Ưu Đình Nhung	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Nguyễn Thị Ngọc Linh

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số tờ Mã đề	Chữ ký	D. QT 40%	D. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121200063	NGUYỄN THỊ TUYẾT	16/11/2003	CCQ2120B		1		7.6	6.5	6.9	(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)
22	2121200188	TRẦN ĐỖ THÙY	14/03/2003	CCQ2120F		1		7.6	5	6.0	(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)
23	2121200150	ĐỖ TUẤN	24/01/2003	CCQ2120E		1		7.0	5	5.8	(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)
24	2121200096	HUYỀN TIẾN	30/09/2002	CCQ2120C		1		7.3	0	2.9	(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)
25	2121200128	NGUYỄN VĂN TÀI	21/09/2003	CCQ2120D		1		7.3			(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)
26	2121200038	NGUYỄN TIẾN THÀNH	16/07/2003	CCQ2120B		1		5.7	3	4.1	(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)
27	2121190126	TRẦN THẾ THÀNH	20/09/2003	CCQ2120B		1		7.6	6.5	6.9	(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)
28	2121200092	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	22/07/2003	CCQ2120C		1		7.0	6.5	6.7	(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)
29	2121200054	HỒ THỊ HUỖN THI	01/01/2003	CCQ2120B		1		7.0	6	6.4	(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)
30	2121200007	LÊ THỊ NGỌC THU	01/11/2003	CCQ2120A		1		7.6	5	6.0	(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)
31	2121120199	CAO THỊ BÍCH THUẬN	06/11/2003	CCQ2120C		1		7.0	3	4.6	(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)
32	2121200023	TRƯƠNG NGỌC CẨM TIẾN	29/07/2003	CCQ2120A		1		7.3	4.5	5.6	(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)
33	2121200131	VŨ THỊ THỠY TIẾN	29/04/2001	CCQ2120B							(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)
34	2121200106	NGUYỄN THỊ NGỌC TRẦN	01/11/2003	CCQ2120D		1		7.0	5	5.8	(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)
35	2121200080	ĐOÀN THỊ LAN TRINH	20/06/2003	CCQ2120C		1		7.0	6.5	6.7	(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)
36	2121200193	NGUYỄN VŨ KIỀU TRINH	25/08/2003	CCQ2120F		1		7.7	7.5	7.6	(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)
37	2121200113	NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN	25/01/2003	CCQ2120D							(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Quản trị chiến lược (226165) - Nhóm 03

Đợt thi: HK3 2021-2022

Tổ: 001

Ngày thi: 31/08/2022

Giờ: 12:30

Phòng thi: D4-25 D6-33

C. Tỉnh (e)

Số SV có mặt: 34
Số bài thi: 34
Số tờ giấy thi: 34

Mã nhận dạng: 000577

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
Lưu M. Sơn Ng. Văn		Ng. T. Tiến	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số tờ Mã đề	Chữ ký	D. QT 40%	D. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120200173	NGUYỄN THỊ KIM	20/11/2002	CCQ2020F				7.1	4	5.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	2120120679	NGUYỄN THỊ NGỌC	10/04/2002	CCQ2012L				7.2	2.5	4.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	2120120387	PHẠM THỊ THU	15/02/2002	CCQ2012L				7.8	4	5.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	2120120315	BẢO THỊ NGỌC	20/09/2000	CCQ2012J				7.8	2	4.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	2120120352	NGO VĂN	01/09/2002	CCQ2012K				6.9	3	4.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	2120200342	VÕ THỊ THÙY	19/06/2002	CCQ2020J				7.4	6.5	6.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	2120200245	NGUYỄN MINH	06/06/2002	CCQ2020H				8.1	5	6.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	2120120284	NGUYỄN THỊNH	29/08/2002	CCQ2012I				7.8	5	6.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	2120120394	LÊ THỊ HUONG	21/04/2001	CCQ2012L				7.5	4.5	5.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	2120120360	LÊ THỊ NGỌC	10/05/2002	CCQ2012K				7.2	4	5.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	2120120399	VŨ XUÂN	24/11/2002	CCQ2012L				7.2	2	4.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	2121120061	MAI LÊ	16/10/2003	CCQ2112B				8.0	8.5	8.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	2120170536	TRẦN THANH	09/11/2002	CCQ2020J							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	2120200010	TRẦN THỊ TRÚC	29/03/2002	CCQ2020A				7.0	5.5	6.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	2120200255	PHAN THỊ	31/01/2002	CCQ2020H				8.1	4	5.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	2120200188	HUYỀN THỊ THỤC	25/03/2002	CCQ2020F				7.1	3	4.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	2121120038	LÊ THỊ BẠCH	14/05/2003	CCQ2112B				7.3	4	5.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	2121120133	NGUYỄN THỊ BÍCH	30/04/2003	CCQ2112D				7.4	2	4.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19	2120120329	NGUYỄN THỊ NHƯ	04/01/2002	CCQ2012J				7.4	6	6.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	2120120331	TRƯƠNG THỊ	13/02/2002	CCQ2012J				6.9	4	5.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P. QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

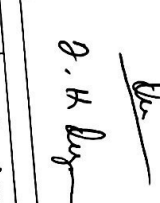
Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

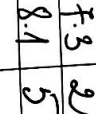
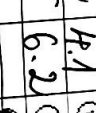
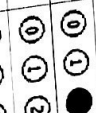
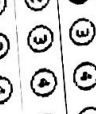
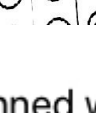
Môn học: Quản trị chiến lược (226165) - Nhóm 03
Đợt thi: HK3 2021-2022
Ngày thi: 31/08/2022
Phòng thi: D4-25

Tổ: 001
Giờ: 12:30

Số SV có mặt: 34
Số bài thi: 34
Số tờ giấy thi: 34

Mã nhận dạng: 000577

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
Mu M.âm	Ng. Khai Vinh	Đ. H. Long	Ng. T. T. H

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	D. QT 40%	D. TH 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập pt
21	2120120553	DƯƠNG HOÀNG YẾN	24/07/2002	CCQ2012LA				7.8	2	4.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	2121120032	NGUYỄN ĐÌNH ANH	06/01/1999	CCQ2112A				8.1	5	6.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	2120120229	LÊ THỊ QUANG	04/01/2002	CCQ2012G				7.8	4.5	5.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	2120120337	TRẦN TÚ QUUYÊN	22/08/2002	CCQ2012J				7.8	4	5.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	2120120340	NGUYỄN PHƯỚC SÁNG	15/10/2000	CCQ2012J				8.2	6	6.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	2120120444	NGUYỄN THỊ THU THÚY	10/04/2002	CCQ2012M				8.2	5	6.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	2120120172	PHAN THỊ THUY	23/05/2002	CCQ2012E				8.1	5	6.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	2120120416	NGUYỄN THỊ THANH THUONG	26/10/2002	CCQ2020I				7.4	5.5	6.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	2120200238	NGUYỄN NGỌC TOÀN	26/06/2002	CCQ2020G				7.5	4	5.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	2120200315	NGUYỄN THANH TRÀ	24/04/2002	CCQ2020I				7.3	5.5	6.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	2120200060	NGUYỄN THỊ THANH TRÂM	04/02/2002	CCQ2020B				7.7	7	7.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	2120200029	HUYỀN NGUYỄN MỸ TRÂN	26/12/2002	CCQ2020A				8.3	6	6.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
33	2121120014	NGUYỄN THỊ MỸ TRÚC	06/05/2003	CCQ2112A				7.2	2.5	4.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	2120120381	NGUYỄN LÊ DUY TÙNG	05/11/2002	CCQ2012K							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	21219120578	HUYỀN ANH TUYẾN	29/08/2001	CCQ1912P				8.2	4	5.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	2120120174	TRƯỜNG THỊ LÊ TUYẾN	01/05/2002	CCQ2012E				6.9	3	4.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	2120120140	NGÔ THỊ THU VÂN	25/03/2002	CCQ2012D							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi